

TRƯỜNG THPT YÊN HOÀ BỘ MÔN: NGỮ VĂN	ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025 MÔN: VĂN; KHỐI 11
--	---

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

Bài 5: TRUYỆN NGẮN	Bài 6: THƠ
ĐỌC	
<p>- Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về hình thức (các chi tiết tiêu biểu, sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật,...); nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, triết lý nhân sinh,...) của truyện ngắn hiện đại.</p> <p>- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.</p>	<p>Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ; giá trị thẩm mỹ của các yếu tố cấu tứ, ngôn từ; tình cảm, cảm xúc chủ đạo của người viết.</p>
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT	
<p>Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong khi nói và viết, từ đó, có ý thức và bước đầu biết vận dụng quy tắc ngôn ngữ một cách hiệu quả, sáng tạo.</p>	<p>Nhận diện và phân tích được tác dụng một số biện pháp tu từ.</p>
VIẾT	
<p>Viết bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện.</p>	<p>Viết bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ.</p>
NÓI VÀ NGHE	
<p>Giới thiệu một tác phẩm truyện theo lựa chọn cá nhân.</p>	<p>Giới thiệu một tác phẩm thơ theo lựa chọn cá nhân.</p>

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI (100% tự luận)

I. Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

- Hình thức: Trả lời 05 câu hỏi tự luận phân chia trên các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng (02 câu mức độ nhận biết, 02 câu mức độ thông hiểu, 01 câu mức độ vận dụng).
- Nội dung: Văn bản văn học thuộc thể loại truyện ngắn hoặc thơ (Ngữ liệu ngoài SGK).

+ Kiến thức đọc hiểu văn bản: người kể chuyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật, đề tài; thể thơ; nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo; biện pháp tu từ; ý nghĩa hình ảnh, từ ngữ, chi tiết đặc sắc,...

+ Kiến thức về các đặc trưng của thể loại truyện ngắn, thơ.

II. Phần II. Viết (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ).

Câu 2 (4,0 điểm): Viết bài nghị luận văn học (khoảng 600 chữ) về một tác phẩm truyện/thơ.

C. LUYỆN TẬP (ĐỀ MINH HOẠ)

TRƯỜNG THPT YÊN HÒA
BỘ MÔN: NGỮ VĂN
ĐỀ MINH HOẠ 1
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP: 11
Thời gian làm bài: 120 phút

Họ và tên thí sinh:
Số báo danh:

Phần I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc văn bản sau:

HOA MUỘN

(Tóm tắt phần đầu: Những vườn xung quanh, mai đã bắt đầu trụi lá. Trong vườn nhà Hạc, mai vẫn rậm rịt, không ai rảnh để nhặt lá cho hoa mai nở. Bà cụ (mẹ Hạc) được mời lên tỉnh, người trẻ trong nhà đùn đẩy nhau, những “chú nhỏ” (cách gọi các chàng trai lân la tán tỉnh Hạc) năm nay cũng không thấy đến nữa. Trong vườn những cành mai bị bẻ quặt, uốn cong, cố vịn theo hình con lân, con phụng vẫn còn nguyên dấu vết mà các chú nhỏ để lại. Những mùa Tết năm trước, trong vườn lúc nào cũng có các chú nhỏ khom lưng nhặt lá mai, quét vườn; họ còn hẹn nhau Tết nhớ đến coi mai nở, chờ Hạc đi chợ Tết,... Năm nay, không còn bóng dáng ai đến vườn mai nhà Hạc nữa.)

[...]

2. *Rốt cuộc, cả đám người trẻ tuổi trong nhà vừa quyết định vừa cười láu cá: "Khỏi, thử một năm không nhặt lá, biết đâu hoa ra lác đác lại chẳng đẹp hơn?". Họ vùi đầu vào mua sắm, may cho nhanh mấy bộ quần áo Tết. Hai mươi tám Tết bà cụ mới về, đứng lọt thỏm giữa những bị cói, giỏ cước, trẻ con trong nhà ùa ra, miệng hét, tay xách, người lớn cũng ùa ra, cười: "Tết về rồi!". Bà cụ nhìn khoảng vườn còn rậm rịt lá mai, lắc đầu: "Chúng mày đáng sợ thật!". Cả lũ lại cười.*

Mùng Một, mùng hai Tết, không có mai, Hạc thấy Tết giống như một ngày chủ nhật, như nhà ai giàu có làm đám cưới đốt pháo thật nhiều. Một người nói: "Mày đừng có đổ thừa! Cái hoa mai quê mùa ấy việc gì làm mày mất Tết", rồi ngậm miệng ngay, nhìn Hạc như muốn nói: "Chẳng qua năm nay không thằng nào đến nữa mà thôi!". Hạc cũng chỉ cười, vào nhà nằm, lôi mấy tờ báo Xuân ra xem mà thấy buồn rữ rượi: "Năm nay mình đã bao nhiêu tuổi? Vì sao những ngày lễ Tết mình luôn phải nằm nhà?"

Một đứa cháu trèo lên giường, moi móc từ trong túi ra một đồng hạt dưa và một nắm phong bao ra đếm lại. Hạc cười: "Dì thấy con đếm phải đến chục lần chứ không ít!". Cô nghĩ: "Ngày xưa mình cũng như thế này" rồi lơ mơ ngủ mất.

3. *Mọi người kêu lên ngán ngẩm: "Hết Tết!". Rồi vịn đồng hồ báo thức, dậy sớm đi làm trở lại. Bây giờ bà cụ mới đi nhặt lá mai được, lụi cụi từ gốc này qua gốc khác, thỉnh thoảng pháo sọt lẹt đẹt đâu đó trong xóm nhỏ. Hạc đi quanh mẹ: "Chi vậy?". Bà cụ móm mém cười: "Tội nghiệp, nhặt để nó nở!"*

Mai nở. Một chiều kia, như đã hẹn, một cô bạn dẫn ông anh họ đến nhà Hạc, gửi anh ta lại bảo: "Ra chợ một chút" rồi phóng xe đi mất, lại bỏ nhỏ: "Ông đang hoang lắm đó!". Anh ta lù khù, tay khư khư giữ cái mũ vàng như củ nghệ, chậm chạp, mãi mới cởi được

xăng-đan để vào nhà. Hạc cau mày: "Khi mình còn trẻ, cỡ này đừng hòng bò đến gần!". Rồi đau đớn nghĩ: "Sao mình cay đắng thế này!".

...Họ ngồi một lúc lâu, có tám trang báo giờ qua giờ lại, chẳng đọc được tin gì. Cũng không biết nói chuyện gì. Hạc rủ: "Ra vườn xem mai chơi!". Họ đi qua những góc vườn, nơi khoảng một chục cây mai bung ra đặc kịt những hoa vàng nở muộn. Hạc nghĩ: "Có mai rồi đây, mà vẫn không thành Tết!". Hai người khoanh tay bước, chỉ có tiếng lá mai lạt xạt dưới chân. Họ vẫn không biết nói gì, nghiêm trang như giám khảo hội hoa Xuân... Và nắng chiều tắt dần, như một dải voan cũ vắt trên ngọn cây, nhạt nhạt...

(Truyện ngắn "Hoa muộn"- Phan Thị Vàng Anh, dẫn theo báo Vnexpress.net)

Chú thích: Phan Thị Vàng Anh là cây bút truyện ngắn trẻ với nhiều tác phẩm đặc sắc về đời sống. Truyện ngắn "Hoa muộn" được giải Nhất cuộc thi truyện cực ngắn của Nhà xuất bản Hội nhà văn năm 1993-1994.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,5 điểm) Xác định người kể chuyện trong truyện ngắn trên.

Câu 2 (0,5 điểm) Câu văn in đậm là lời của ai?

Câu 3 (1,0 điểm) Phân tích tác dụng của các từ láy xuất hiện trong câu văn: "*Bây giờ bà cụ mới đi nhặt lá mai được, lụi cụi từ gốc này qua gốc khác, thỉnh thoảng pháo sọt lẹt đẹt đầu đó trong xóm nhỏ.*"

Câu 4 (1,0 điểm) Hình ảnh "*khoảng một chục cây mai bung ra đặc kịt những hoa vàng nở muộn*" cuối truyện có ý nghĩa gì?

Câu 5 (1,0 điểm) Đặt nhan đề của truyện ngắn là "Hoa muộn", Phan Thị Vàng Anh muốn gửi gắm tư tưởng nào đến độc giả? (Trình bày từ 7-10 dòng)

Phần II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trả lời câu hỏi: "*Sự muộn màng có phải là điều con người không mong muốn trong cuộc sống?*"

Câu 2 (4,0 điểm) Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện ngắn "Hoa muộn".

-Hết-

TRƯỜNG THPT YÊN HÒA
BỘ MÔN: NGỮ VĂN
ĐỀ MINH HOẠ 2
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP: 11
Thời gian làm bài: 120 phút

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

Phần I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc văn bản sau:

Hy Mã Lạp Sơn*

*Nghìn thế kỉ đã theo nghìn thế kỉ,
Ta đứng đây nhìn thấy triệu mặt trời
Tất và nhen và phân phát cho đời
Những thời tiết tái tê hay ấm áp;
Ở chôn tuyết mù, dưới chân ta đẹp.
Ta đứng đây, vĩnh viễn giữa mùa đông,
Tuyết trên đầu vĩnh viễn choá từng không.
Trán vĩnh viễn nặng mang sầu Trái Đất
Ta là Một, là Riêng, là Thứ nhất,
Không có chi bè bạn nói cùng ta.
Bởi ghen trời, ta ngạo nghễ xông pha
Lên vút thẳm, đứng trên nghìn đỉnh núi;
[...]
Ta lên cao như một ý siêu phàm
Nhìn vũ trụ muốn tranh phần cao vợi!
Đời đã hết. Chỉ riêng ta đứng mãi
Ở nơi đây không dấu vết loài người;
[....]
Ta cao quá, thì núi non thấp lắm,
Chẳng chi so, chẳng chi đến giao hoà
Ta bỏ đời mà đời cũng bỏ ta
Giữa vắng ngắt, giữa lạnh lùng thê tuyết!
Ngoài tang trắng của tuyết rồi lại tuyết
Hoạ chẳng nghe gần gũi khúc ca trời;
Trong veo ngàn, hơi thuần túy của hơi
Xuyên ngày tháng, vẫn vỗ về bên mái,
Và trời rót khúc ca trời cảm khái:
- "Cô đơn muôn lần, muôn thuở cô đơn
Người lên trời, ôi Hy Mã Lạp Sơn!"*

(Xuân Diệu, *Thơ Xuân Diệu*, NXB Giáo dục, 1993, tr. 54 - 56)

(*Hy Mã Lạp Sơn: dãy Himalaya - dãy núi trẻ nhất thế giới về lịch sử địa chất, cũng là dãy núi có đỉnh núi cao nhất thế giới.)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm) Nêu dấu hiệu nhận biết thể thơ của bài thơ.

Câu 2 (0,5 điểm) Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 3 (1,0 điểm) Chỉ rõ và phân tích tác dụng của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường có trong câu thơ: “*Trán vĩnh viễn nặng mang sầu Trái Đất.*”

Câu 4 (1,0 điểm) Phân tích ý nghĩa của yếu tố tượng trưng xuất hiện trong đoạn thơ sau:

*“Ta lên cao như một ý siêu phàm
Nhìn vũ trụ muốn tranh phần cao vợi!
Đời đã hết. Chỉ riêng ta đứng mãi
Ở nơi đây không dấu vết loài người.”*

Câu 5 (1,0 điểm) Từ nội dung câu thơ:

*“Và trời rớt khúc ca trời cảm khái:
- “Cô đơn muôn lần, muôn thuở cô đơn
Ngươi lên trời, ôi Hy Mã Lạp Sơn!”*

Anh/chị có suy nghĩ gì về sự cô đơn trong cuộc sống. (Trình bày từ 7-10 dòng)

Phần II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về khát vọng tự do của con người.

Câu 2 (4,0 điểm) Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ “*Hy Mã Lạp Sơn*” – Xuân Diệu.

- Hết-

TRƯỜNG THPT YÊN HOÀ BỘ MÔN: NGỮ VĂN	ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025 MÔN: VĂN; KHỐI 11
--	--

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT

Bài 7: Tuỳ bút, tản văn, truyện kí	Bài 8: Bi kịch	Bài 9: Văn bản nghị luận
ĐỌC		
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tuỳ bút, tản văn, giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí. - Đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết qua văn bản; phát hiện được giá trị văn hoá hoặc triết lí nhân sinh từ văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận diện, phân tích được các yếu tố lời thoại, hành động, xung đột, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,... và chủ đề, tư tưởng, thông điệp chính của văn bản bi kịch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được nội dung, mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, độc đáo. - Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận; xác định được mục đích, quan điểm của người viết và thể hiện được quan điểm cá nhân về nội dung của văn bản.
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT		
<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được nghĩa của từ trong văn bản. - Trình bày được tài liệu tham khảo trong một báo cáo nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận diện và phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết trong các văn bản kịch, truyện và nghị luận. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết, phân tích và sửa các lỗi về thành phần câu.
VIẾT		
<ul style="list-style-type: none"> Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> Viết bài văn nghị luận về một tác phẩm kịch (kịch bản văn học). 	<ul style="list-style-type: none"> Viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống có cấu trúc chặt chẽ, hệ thống luận điểm rõ ràng, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
NÓI VÀ NGHE		

<p>Trình bày kết quả báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đáng quan tâm, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.</p>	<p>Giới thiệu một tác phẩm kịch theo lựa chọn cá nhân.</p>	<p>Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một hiện tượng đời sống; phân tích được các quan điểm trái ngược nhau, nêu những nhận xét hợp lí về nội dung thuyết trình và đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.</p>
--	--	---

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI (100% tự luận)

I. Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

- Hình thức: Trả lời 05 câu hỏi tự luận phân chia trên các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng (02 câu mức độ nhận biết, 02 câu mức độ thông hiểu, 01 câu mức độ vận dụng).

- Nội dung:

+ Văn bản văn học thuộc thể loại tùy bút/tản văn/truyện kí/kịch bản văn học hoặc văn bản nghị luận (Ngữ liệu ngoài SGK).

+ Kiến thức đọc hiểu văn bản thuộc về các đặc trưng của thể loại tùy bút/tản văn/truyện kí/kịch bản văn học hoặc văn bản nghị luận.

II. Phần II. Viết (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ)

Câu 2 (4,0 điểm): Viết bài nghị luận văn học (khoảng 600 chữ) về một tác phẩm tùy bút/tản văn/truyện kí/kịch.

C. LUYỆN TẬP (ĐỀ MINH HOẠ)

TRƯỜNG THPT YÊN HÒA
BỘ MÔN: NGỮ VĂN
ĐỀ MINH HOẠ 1
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP: 11
Thời gian làm bài: 120 phút

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

Phần I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc văn bản sau:

Hoa trái quanh tôi – Hoàng Phủ Ngọc Tường

Hình như khi xây dựng nên đô thị của mình, người Huế không bộc lộ cái ham muốn chế ngự thiên nhiên theo cách người Hy Lạp và người La Mã, mà chỉ tìm cách tổ chức thiên nhiên trở thành một kẻ có văn hóa để có thể tham dự một cách hài hòa vào cuộc sống của con người, cả bên ngoài và bên trong. Lớn lên ở Huế, không lúc nào tôi không cảm thấy thành phố này như một khu vườn thân mật của mình ở đó, tôi có thể tư duy cùng với hoa sen, khát vọng với hoa phượng, mơ mộng với mùi hương sâu thắm của hoa ngọc lan ban đêm, và khi thành phố lộng lẫy trong sắc mai vàng mùa Xuân, không hiểu sao lại thấy lòng thức dậy một niềm ngưỡng mộ bao la đối với cuộc sống.

Cũng ít có một thành phố nào như nơi đây, giữa tạo vật và con người luôn luôn gắn bó một tình bạn thân thiết và tươi xanh đến như vậy. Cho đến nay, người Huế vẫn còn duy trì một phong tục cổ xưa về tình bạn cao quý đó: khi người chủ vườn qua đời thì những người già đem buộc băng tang vào những cây quý trong vườn để cây khỏi tàn lụi theo, vì người ta tin rằng cây cũng vui buồn cùng với con người. Không nên nhầm lẫn mối thân tình này với điều vẫn gọi là “tình bạn” mà nhiều người phương Tây, như người Anh chẳng hạn, thường cảm thấy đối với loài vật. Ở đây, quan hệ con người - cây cỏ xuất phát từ một truyền thống triết lý sâu xa của phương Đông rất được nhấn mạnh trong tâm thức người Huế, rằng con người vốn là kẻ cư ngụ trong căn nhà lớn của vũ trụ; từ đó, trong cố gắng vươn tới niềm hạnh phúc về tinh thần, con người luôn luôn biểu hiện nỗi khát khao tìm về nơi ăn chốn ở nguyên khởi của nó, nơi thực sự nó đã sinh ra. Dân gian kể rằng trong nỗi bất hạnh của đời người, cô Tấm đã hai lần sống ngụ trong cây thị và cây sấu đông. Tôi thường đọc thấy cái ý tưởng ấy bàng bạc khắp nơi trong cảm hứng của các nghệ sĩ Huế: những nghệ nhân trang trí thích dùng motif con chim phượng (chim phượng luôn luôn tượng trưng cho sự thăng hoa của tâm linh) hóa thân từ lá cây; trong một tác phẩm lụa của họa sĩ Tôn Thất Đào, núi Ngự Bình được nhìn thấy như là một cô gái nằm mơ màng giữa những cánh thư màu xanh vốn là những ruộng lúa; hoặc nơi này nơi kia trong những bài hát quen thuộc của Trịnh Công Sơn: “nhiều khi tưởng tôi là lá cỏ - ngòi hát ca rất tự do”.

Lật lại cuốn sổ ghi chép về Huế, tôi chợt thích thú một cách bất ngờ khi đọc lại một câu của Mác, không nhớ tôi đã ghi lại từ lúc nào. Mác viết rằng: “Chúng ta không thể đối xử với thiên nhiên, thống trị thiên nhiên như kẻ xâm lược thống trị dân tộc khác, như một kẻ đứng ngoài thiên nhiên. Trái lại, chúng ta thuộc về nó, cả xương, thịt, máu và trí tuệ, và chúng ta ở bên trong nó”. Giữa những điều tôi đang suy nghĩ, như trong một văn cảnh chung, lời của Mác vang lên trong từng ý nghĩa của mỗi từ; và tôi tưởng chừng như trong

khi đưa mắt nhìn khắp thế giới bằng cái nhìn xoáy tận bản thể của ông, Mác đã nhìn thấy thành phố xanh biếc của đất nước tôi.

Cùng với mọi nhu cầu của con người hiện đại, có lẽ người Huế vẫn giữ riêng trong tâm hồn mình bản chất của một nhà thơ đồng nội.

Có một khái niệm kinh tế rất được chú ý đối với Huế, gọi là “kinh tế vườn”. Tất nhiên là vậy, vì vườn Huế được tạo dựng nên đâu phải nhằm đáp ứng nhu cầu riêng của các vị Thám Hoa (1), chỉ nhìn ngắm mà không cần ăn quả. Nhưng dù vẫn là nơi nổi tiếng về cây trái đôn hậu, sẽ là vô ích nếu người ta định tìm kiếm ở Huế những khu vườn cao sản kiểu vựa trái của miền Đông Nam bộ, và nếu người ta quên không nhìn đến diện mạo văn hoá của cái thế giới thực vật nho nhỏ kia.

Thuở xưa thành phố chưa trồng phượng, cây hòe nở hoa vàng trước cửa sổ luôn luôn đánh thức nỗi xôn xao của đèn sách; người học trò xưa vẫn nhớ câu “hòe hoa hoàng, cử tử mang” (2). Vườn Huế, dù giàu hay nghèo, thường vẫn có cổng gạch, mái khá rộng, phía ngoài trồng vài cây có quả: ấy là chỗ dừng chân qua cơn mưa, là bóng mát dành cho người đi đường, là chút lộc hoa trái dành cho trẻ con trong xóm; cổng nhà nhìn ra nên luôn luôn ngụ tâm lòng người như mì thơm thảo. Người Huế lập vườn, trước hết như là nơi cư ngụ của tâm hồn mình giữa thế gian, ước mong sẽ là chút di sản tinh thần để đời cho con cháu. [...]

(Trích “*Hoa trái quanh tôi*” – Hoàng Phủ Ngọc Tường, dẫn theo tapchisonghuong.com.vn)

Chú thích:

(1) *Thám Hoa*: người đỗ thứ ba trong hàng tiến sĩ xưa. Lê xưa, những người đỗ cao trong kỳ thi tiến sĩ thì được vua ban yến và được đi xem hoa ở Ngự Uyển.

(2) Hoa hòe nở vàng, người đi thi lòng xôn xao.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm) Xác định các phương thức biểu đạt của văn bản.

Câu 2 (0,5 điểm) Để chứng minh “*giữa tạo vật và con người luôn luôn gắn bó một tình bạn thân thiết và tươi xanh đến như vậy*”, tác giả đã nêu phong tục cổ xưa nào?

Câu 3 (1,0 điểm) Anh/chị hiểu điều gì về câu văn sau: “*Cùng với mọi nhu cầu của con người hiện đại, có lẽ người Huế vẫn giữ riêng trong tâm hồn mình bản chất của một nhà thơ đồng nội.*”

Câu 4 (1,0 điểm) Tính phi hư cấu đã được biểu hiện qua đoạn văn bản trên như thế nào? Anh/chị hãy chỉ rõ và nêu tác dụng của những biểu hiện đó.

Câu 5 (1,0 điểm) Từ nội dung câu văn: “*Người Huế lập vườn, trước hết như là nơi cư ngụ của tâm hồn mình giữa thế gian, ước mong sẽ là chút di sản tinh thần để đời cho con cháu.*”, anh/chị có ấn tượng gì về vẻ đẹp tâm hồn của con người xứ Huế? (Trình bày từ 7-10 dòng)

Phần II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày quan điểm của anh/chị về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên.

Câu 2 (4,0 điểm) Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của văn bản bút kí “*Hoa trái quanh tôi*” - Hoàng Phủ Ngọc Tường.

TRƯỜNG THPT YÊN HÒA
BỘ MÔN: NGỮ VĂN
ĐỀ MINH HOẠ 2
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP: 11
Thời gian làm bài: 120 phút

Họ và tên thí sinh:
Số báo danh:

Phần I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc văn bản sau:

[...]

Vũ Như Tô: Cũng là thân không đáng kể

Đan Thiềm: Sao lại không đáng kể? Hữu tài tất hữu dụng.

Vũ Như Tô: Cảnh ngộ chúng tôi có khác chi cảnh ngộ bà? Có phần khổ nhục hơn nữa. Chế độ thì nghiệt ngã vô lý: nhà không cho làm cao, áo không cho mặc đẹp. Ai xây một kiểu nhà mới khả quan, thì lập tức kết vào tội lộng hành đem chém. Thành thử không ai dám vượt ra khuôn sáo nghìn xưa, nghề kiến trúc đọng lại như một vũng ao tù. Người có tài không được thi thố đành phải tiến về mặt tiểu xảo. Mà nói ngay đến những bọn này nào họ có được yên thân. Họ phải lẩn lút, giấu giếm. Vô phúc mà triều đình biết, thế là gia đình tan nát. Họ bị đóng cũi giải kinh, để làm những công việc nhà vua, thân giam trong nội như một tên trọng phạm, mãi đến khi mắt mờ, tay chậm, họ mới được thả hồi nguyên quán. Triều đình còn không ban cho họ một chút bổng nhờ để mưu sống buổi tàn niên. Cách đối đãi như thế, thì nhân tài nhiều sao được, mà ai chịu luyện tập cho thành tài? Thậm chí người ta nói kẻ có tài đã không giúp cho gia đình, còn là một cái vạ nữa.

Đan Thiềm: Thảo nào mà nước ta không có lấy một lâu đài nào ra hồn, khả dĩ sánh với những lâu đài Trung Quốc. Ngay cả Chiêm Thành cũng hơn ta nhiều lắm...

Vũ Như Tô: Tôi bẩm sinh có khiếu về kiến trúc. Tôi đã học văn, sau bỏ văn tập nghề, nhưng tập thì tập, vẫn lo nơm nớp, chỉ sợ triều đình biết, thì vợ con ở nhà nhe nhóc, mà mình cũng không biết bao giờ được tháo cũi xổ lồng. Vua Hồng Thuận ngày nay càng khinh rẻ chúng tôi, cách đối đãi lại bạc ác. Chẳng qua là cái nợ tài hoa, chứ thực ra theo nghề ở ta lợi chẳng có mà nhục thì nhiều.

Đan Thiềm: Chính vì thế mà ông càng đáng trọng.

Vũ Như Tô: Trọng để làm gì? Tìm danh vọng chúng tôi đã chẳng chọn nghề này. Đòi lẩn lút...

Đan Thiềm: Vậy thì các ông luyện nghề làm gì, luyện mà không đem ra thi thố?

Vũ Như Tô: Đó là nỗi khổ tâm của chúng tôi. Biết đa mang là khổ nhục mà không sao bỏ được. Như bóng theo hình. Chúng tôi vẫn chờ dịp.

Đan Thiềm: Dịp đấy chứ đâu? Cứu Trùng Đài...

Vũ Như Tô: Bà đừng nói nữa cho tôi thêm đau lòng. Ngày ngày, tôi thấy các bạn thân bị bắt giải kinh, người nhà khóc như đưa ma. Còn tôi, mong manh tin quan đến bắt, tôi đem

mẹ già, vợ và hai con nhỏ đi trốn. Được một năm có kẻ tố giác, quan địa phương đem lính tráng đến vây kín nơi tôi ở. Tôi biết là tuyệt lộ, mặc cho họ gông cùm. (Chàng rom róm nước mắt) Mẹ tôi chạy ra bị lính đẩy ngã, chết ngay bên chân tôi. Bọn sai nha lộng quyền quá thể. Rồi tôi bị giải lên tỉnh, từ tỉnh lên kinh, ăn uống kham khổ, roi vọt như mưa trên mình, lắm khi tôi chết lặng đi. Mẹ cháu lẽo đẽo theo sau, khóc lóc nhếch nhác, tôi càng đau xót can tràng. Cũng vì thế mà tôi thề là đành chết chứ không chịu làm gì. [...]

Vũ Như Tô: Xây Cửu Trùng Đài cho một tên bạo chúa, một tên thoán nghịch, cho một lũ gái dâm ô? Tôi không thể đem tài ra làm một việc ô uế, muôn năm làm bia miệng cho người đời được.

Dan Thiềm: Ông biết một mà không biết hai. Ông có tài, tài ấy phải đem cống hiến cho non sông, không nên để mục nát với cỏ cây. Ông không có tiền, ông không có thể dựng lấy một tòa đài như ý nguyện. Chấp kinh, phải tòng quyền. Đây là lúc ông nên mượn tay vua Hồng Thuận mà thực hành cái mộng lớn của ông... Ông khẽ tiếng. Đó là tiểu tiết. Ông cứ xây lấy một tòa đài cao cả. Vua Hồng Thuận và lũ cung nữ kia rồi mất đi nhưng sự nghiệp của ông còn lại về muôn đời. Dân ta nghìn thu được hãnh diện, không phải thẹn với những cung điện đẹp nước ngoài, thế là đủ. Hậu thế sẽ xét công cho ông, và nhớ ơn ông mãi mãi. Ông hãy nghe tôi làm cho đất Thăng Long này thành nơi kinh kỳ lộng lẫy nhất trần gian.

Vũ Như Tô: Đa tạ. Bà đã khai cho cái óc u mê này. Thiếu chút nữa, tôi nhờ cả. Những lời vàng ngọc tôi xin lĩnh giáo. Trời quá yêu nên tôi mới được gặp bà.

Dan Thiềm: Tôi cũng may được gặp ông. Xin ông cố đi. Đức vua ngự tới...

(Trích Vũ Như Tô, Nguyễn Huy Tưởng, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, Hà Minh Đức sưu tầm, biên soạn, giới thiệu, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Đoạn trích xoay quanh cuộc đối thoại của những nhân vật nào?

Câu 2: Lời thoại nào cho thấy Đan Thiềm trực tiếp thể hiện sự ngưỡng mộ và trân trọng đối với Vũ Như Tô?

Câu 3: Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói của Vũ Như Tô: “Xây Cửu Trùng Đài cho một tên bạo chúa, một tên thoán nghịch, cho một lũ gái dâm ô? Tôi không thể đem tài ra làm một việc ô uế, muôn năm làm bia miệng cho người đời được.”

Câu 4: Chỉ ra và nêu ý nghĩa của lời chỉ dẫn sân khấu trong văn bản trên.

Câu 5: Bài học sâu sắc mà anh/chị rút ra từ văn bản trên là gì? Lý giải vì sao?

Phần II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của lối sống cống hiến đối với thế hệ trẻ ngày nay.

Câu 2. (4,0 điểm) Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày cảm nhận về nhân vật Vũ Như Tô trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu; từ đó nhận xét về triết lý nhân sinh mà tác giả gửi gắm.

-Hết-